

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.501.937.318.977	2.615.396.325.822
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	314.202.343.380	741.370.744.436
1.	Tiền	111		58.202.343.380	476.911.141.527
2.	Các khoản tương đương tiền	112		256.000.000.000	264.459.602.909
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.283.110.937	83.987.257.449
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		89.980.310.937	92.229.197.449
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.697.200.000)	(8.241.940.000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444.111.047.883	456.681.518.464
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	335.580.812.668	376.295.574.584
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	113.619.602.910	74.459.556.141
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	12.243.886.133	6.312.344.434
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.333.253.828)	(385.956.695)
IV.	Hàng tồn kho	140		1.515.590.240.087	1.213.741.507.906
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	1.543.819.233.418	1.231.270.556.687
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.228.993.331)	(17.529.048.781)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		147.750.576.690	119.615.297.566
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.120.313.880	591.428.033
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		103.114.360.119	90.880.970.099
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	79.896.683	20.556.777
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	43.436.006.008	28.122.342.657

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.614.413.203.659	1.279.408.110.524
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		36.154.157.832	50.244.906.671
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.8	36.154.157.832	50.244.906.671
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II.	Tài sản cố định	220		1.306.920.238.206	968.660.692.226
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	440.374.857.191	351.438.774.720
	Nguyên giá	222		622.338.097.081	510.259.440.814
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.963.239.890)	(158.820.666.094)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225			
	Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.689.703.726	22.025.935.776
	Nguyên giá	228		25.665.161.450	25.665.161.450
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.975.457.724)	(3.639.225.674)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	844.855.677.289	595.195.981.730
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241			
	Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		157.868.753.530	196.448.753.530
1.	Đầu tư vào công ty con	251			
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.180.000.000	1.580.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	207.000.000.000	207.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(51.311.246.470)	(12.131.246.470)
V.	Lợi thế thương mại	260		21.364.861.736	22.909.309.586
V.	Tài sản dài hạn khác	270		92.105.192.355	41.144.448.511
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	71.011.377.483	8.173.815.294
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	16.537.657.217	16.537.657.217
3.	Tài sản dài hạn khác	273	V.15	4.556.157.655	16.432.976.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		4.116.350.522.636	3.894.804.436.346

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		2.698.660.267.678	2.489.526.775.302
I. Nợ ngắn hạn		310		1.415.877.860.861	1.738.464.458.787
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	1.044.917.059.029	1.490.714.997.316
2.	Phải trả người bán	312	V.17	180.923.075.934	104.387.991.344
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.18	3.728.203.280	7.601.769.511
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	9.519.406.146	21.376.402.425
5.	Phải trả người lao động	315	V.20	31.826.342.725	24.605.491.777
6.	Chi phí phải trả	316	V.21	35.851.650.536	71.360.232.059
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	41.396.550.666	6.486.123.587
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		67.715.572.545	11.931.450.768
II. Nợ dài hạn		330		1.282.782.406.817	751.062.316.515
1.	Phải trả dài hạn người bán	331			
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3.	Phải trả dài hạn khác	333			
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.23	1.279.060.404.246	747.236.965.554
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.722.002.571	3.825.350.961
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.344.211.509.355	1.337.967.110.693
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.344.211.509.355	1.337.967.110.693
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	700.000.000.000	700.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.	Cổ phiếu quỹ	414			
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		64.965.861.439	54.301.347.051
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		48.127.752.682	19.700.529.953
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418			
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	353.241.025.998	386.088.364.453
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432			
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500		73.478.745.603	67.310.550.351
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.116.350.522.636	3.894.804.436.346

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)			895.001.31	862.332.89
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

Cà Mau, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc

Phí Hồng Lĩnh

Lưu Minh Trung

Lê Văn Điệp



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
				Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.628.013.208.343	991.874.569.325	2.899.011.993.560	1.657.137.742.524
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.498.543.306	26.392.888.889	18.764.930.836	28.681.719.112
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.625.514.665.037	965.481.680.436	2.880.247.062.724	1.628.456.023.412
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.387.486.915.916	781.800.791.614	2.468.886.517.068	1.346.058.271.612
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		238.027.749.121	183.680.888.822	411.360.545.656	282.397.751.800
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.876.288.983	10.817.149.656	59.509.179.318	29.819.633.568
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	92.569.095.099	51.671.496.982	175.936.581.574	74.013.762.297
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		65.916.401.146	35.940.903.091	121.209.942.826	59.802.821.141
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	84.163.792.957	61.139.584.235	139.364.215.798	97.744.680.452
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	32.394.388.782	9.777.880.162	46.486.808.577	17.964.391.926
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.776.761.266	71.909.077.099	109.082.119.025	122.494.550.693
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.092.896.993	1.461.003.297	1.866.202.233	3.152.276.512
12.	Chi phí khác	32	VI.8	94.393.310	238.628.223	193.103.396	1.206.611.069
13.	Lợi nhuận khác	40		998.503.683	1.222.375.074	1.673.098.837	1.945.665.443
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-	-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		48.775.264.949	73.131.452.173	110.755.217.862	124.440.216.136
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.9	10.291.445.345	10.718.375.281	21.476.875.696	22.007.562.513
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		38.483.819.604	62.413.076.892	89.278.342.166	102.432.653.623
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			619.987.760	1.415.102.266	2.498.626.786	2.991.628.263
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			37.863.831.844	60.997.974.626	86.779.715.380	99.441.025.360
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.10	541	871	1.240	1.421

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

Cà Mau, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Đỗ Trọng Giám đốc

Phí Hồng Lĩnh

Lưu Minh Trung

Lê Văn Diệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		110.755.217.862	124.440.216.136
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	26.353.155.302	17.653.685.387
-	Các khoản dự phòng	03		68.198.799.775	17.883.448.015
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		803.703.762	2.204.994.320
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.708.346.952)	(9.786.196.784)
-	Chi phí lãi vay	06		121.209.942.826	59.802.821.141
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		310.612.472.575	212.198.968.215
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.471.736.742)	465.540.417.228
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(268.922.296.493)	(214.041.573.396)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		61.928.072.848	(465.883.972.503)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12			160.352.590
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(88.896.365.661)	(50.053.511.141)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.146.358.937)	(8.663.913.773)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25		90.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(36.337.966.002)	(56.220.820.187)
				-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(97.234.178.412)	(116.874.052.967)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(432.528.672.989)	(83.120.823.097)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.076.961.288)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.989.613.333
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(600.000.000)	(950.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	29.836.850.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.213.493.400	18.539.679.240
8.	Tiền thu từ các khoản ký gửi, ký quỹ dài hạn			18.460.766.743	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(397.454.412.846)	(27.781.641.812)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		748.822.809	
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 23	4.027.766.121.496	2.024.186.809.587
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 23	(3.956.615.678.917)	(1.803.878.840.116)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.942.438.160)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		66.956.827.228	220.307.969.471
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50		(427.731.764.030)	75.652.274.692
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60		741.370.744.436	151.115.119.814
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		563.362.974	1.539.785.050
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	V.1	314.202.343.380	228.307.179.556

Lập biểu



Phí Hồng Linh

Kế Toán trưởng



Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc


Lê Văn Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2011**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú, Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An và Mseafood Corporation, (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – chế biến- thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua, chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Trồng các loại thủy sản dưới nước; Sản xuất kinh doanh giống thủy sản. Kinh doanh tòa nhà cao ốc và văn phòng cho thuê.

4. **Tổng số các công ty con được hợp nhất** : 9

5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	97,50 %	97,50 %
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	95,00%	95,00%
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	99,10%	99,10%
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	98,50%	98,50%
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	97,00%	97,00%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Ấp An Bình, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	100%	100%
Mseafood Corporation	California – Hoa Kỳ	90,00%	90,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn thủy hải sản Minh Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 27 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 – 50 năm, chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng được khấu hao trong 04 - 12 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-10 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm tài chính 2011 là năm tài chính thứ tư Công ty được giảm thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH thủy sản Minh phú Kiên Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Từ năm 2007 Công ty áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế đối với các thiết bị, máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định và miễn tiền thuê đất trong 11 năm kể từ khi đi vào hoạt động. Ngày 10/07/2011 Công ty này đã chính thức đưa vào hoạt động.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – An được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty Mseafood Corporation có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Cục thuế Liên bang và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Cục thuế Tiểu bang.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Cục thuế liên bang được tính theo hai phương pháp: Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế đã loại trừ các khoản giảm trừ theo quy định của luật thuế Hoa Kỳ và các khoản lỗ từ năm trước chuyển sang nhân với thuế suất lũy tiến hoặc là toàn bộ thu nhập chịu thuế chưa giảm trừ tính theo thuế suất cố định là 20%. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế cho Cục thuế liên bang theo mức cao hơn của hai cách tính thuế nêu trên

- Mức thuế phải nộp cho tiểu bang theo thuế suất 8,84% trên thu nhập chịu thuế. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ, Công ty vẫn phải nộp khoản tiền thuế tối thiểu là 800 USD.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 05 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý liên quan đến giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả phát sinh trong quá trình mua cơ sở ở nước ngoài được coi là tài sản của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày mua.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

30/06/2011 : 20.618 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.886.129.757	4.137.588.924
Tiền gửi ngân hàng	53.316.213.623	472.773.552.603
Các khoản tương đương tiền ^(*)	256.000.000.000	264.459.602.909
Cộng	314.202.343.380	741.370.744.436

^(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	11.267.580.000	11.267.580.000
- Cổ phiếu	11.267.580.000	11.267.580.000
Đầu tư ngắn hạn khác	78.712.730.937	80.961.617.449
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống ^(*)	70.173.959.980	72.422.846.492
- Đầu tư ngắn hạn khác	8.538.770.957	8.538.770.957
Cộng	89.980.310.937	92.229.197.449

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau :

Số đầu năm	(8.241.940.000)
Trích lập trong kỳ	(1.455.260.000)
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	(9.697.200.000)

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống được dùng để đảm bảo khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải – thuyết minh V.23.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	15.648.721.536	13.369.077.030
Các khách hàng nước ngoài	319.932.091.132	362.926.497.554
Cộng	335.580.812.668	376.295.574.584

Khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau - thuyết minh V.23.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	88.172.182.738	73.552.752.522
Các nhà cung cấp nước ngoài	25.447.420.172	906.803.619
Cộng	113.619.602.910	74.459.556.141

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay dự thu	3.682.569.600	4.187.716.048
Phải thu tiền bảo hiểm nhân viên	438.938.770	253.007.243
Các khoản phải thu khác	8.122.377.763	1.871.621.143
Cộng	12.243.886.133	6.312.344.434

6. Dự Phòng phải thu khó đòi

Số đầu năm	(385.956.695)
Trích lập trong kỳ	(16.947.297.133)
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	(17.333.253.828)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	123.140.220.695	53.931.290.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.475.836.021	2.352.905.191
Thành phẩm	889.233.349.062	709.039.549.629
Hàng hóa	494.969.827.640	465.946.811.552
Cộng	1.543.819.233.418	1.231.270.556.687

Hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau (thuyết minh V.23).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Số đầu năm	(17.529.048.781)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	(14.171.586.926)
Hoàn nhập trong kỳ	3.471.642.376
Số cuối năm	(28.228.993.331)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ với thời gian không quá 01 năm.

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	42.970.995.956	24.609.901.928
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	465.010.052	3.512.440.729
Cộng	43.436.006.008	28.122.342.657

12. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế chống bán phá giá tạm nộp ^(*)	36.154.157.832	50.244.906.671
Cộng	36.154.157.832	50.244.906.671

^(*) Từ năm 2004, tất cả các Công ty có hoạt động kinh doanh thủy sản tại Hoa Kỳ là đối tượng phải nộp thuế về chống bán phá giá. Mức thuế áp dụng sẽ không cố định mà tùy thuộc vào quyết định hằng năm của cơ quan thuế tại Hoa Kỳ. Trong tháng 10 năm 2010, Mseafood Corporation đã nhận được quyết định chính thức từ văn phòng thương mại Hoa Kỳ ghi nhận mức thuế suất áp dụng cho giai đoạn từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 là 2,95% trên giá trị hàng thủy sản nhập vào Hoa Kỳ. Mức thuế suất này dự kiến được áp dụng cho giai đoạn tiếp theo cho đến nay.

Khoản thuế trên là số tiền dự tính sẽ thu được thu lại từ văn phòng thương mại Hoa Kỳ là phần chênh lệch giữa mức thuế Mseafood Corporation đã nộp theo thuế suất cao hơn và mức thuế được tính theo quyết định chính thức.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	153.084.080.254	321.348.395.463	29.898.449.868	5.928.515.229	510.259.440.814
Tăng trong kỳ	16.477.728.094	72.656.017.193	18.274.945.109	2.548.210.899	109.956.901.295
Mua sắm mới	11.214.217.678	72.499.249.701	13.697.576.821	2.548.210.899	99.959.255.099
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.263.510.416	156.767.492	4.577.368.288	-	9.997.646.196
Tăng khác	1.960.928.259	41.418.880	-	119.407.833	2.121.754.972
Số cuối kỳ	171.522.736.607	394.045.831.536	48.173.394.977	8.596.133.961	622.338.097.081
Trong đó:					

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.915.065.148	33.242.761.530	1.495.656.088	235.227.619	48.888.710.385
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	33.273.783.981	112.707.530.509	8.929.774.514	3.909.577.090	158.820.666.094
Tăng trong kỳ	4.925.034.769	15.482.735.260	2.161.943.420	442.368.740	23.012.082.189
Khấu hao trong kỳ					
Tăng khác	120.719.301	51.312.719			172.032.020
Số cuối kỳ	38.319.538.051	128.241.578.488	11.080.106.794	4.322.016.557	181.963.239.890
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	119.810.296.273	208.640.864.954	20.968.675.354	2.018.938.139	351.438.774.720
Số cuối kỳ	133.203.198.556	265.804.253.048	37.093.288.183	4.274.117.404	440.374.857.191
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.008.814.159	1.656.347.291	25.665.161.450
Mua sắm mới	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	24.008.814.159	1.656.347.291	25.665.161.450
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.129.591.816	509.633.858	3.639.225.674
Khấu hao trong kỳ	242.693.004	93.539.046	336.232.050
Số cuối kỳ	3.372.284.820	603.172.904	3.975.457.724
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.879.222.343	1.146.713.433	22.025.935.776
Số cuối kỳ	20.636.529.339	1.053.174.387	21.689.703.726
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	713.800.200	96.932.737.715	(4.091.400.651)	93.555.137.264
XDCB dở dang	594.482.181.530	166.440.009.424	(9.621.650.929)	751.300.540.025
Cộng	595.195.981.730	263.372.747.139	(13.713.051.580)	844.855.677.289

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300108975 ngày 24 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 80.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đã đầu tư 2.180.000.000 VND, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cảng Minh Phú Hậu Giang. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 78.420.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ tâm nhìn SSI	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	207.000.000.000	207.000.000.000

(*) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ tâm nhìn SSI	51.200.000.000	12.020.000.000
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	111.246.470	111.246.470
Cộng	51.311.246.470	12.131.256.470

19. Lợi thế thương mại

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2008, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafood Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ chuyên mua bán mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ.

Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá USD 1,819,459.00 (tương đương 30.888.957.000 VND) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	22.909.309.586
Tăng trong kỳ	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(1.544.447.850)
Số cuối kỳ	21.364.861.736

20. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	8.173.815.294
Tăng trong kỳ	64.332.304.609
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.494.742.420)
Kết chuyển giảm khác	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số cuối kỳ	71.011.377.483	
21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:		
Số đầu năm	16.537.657.217	
Số phát sinh	-	
Số cuối năm	16.537.657.217	
22. Tài sản dài hạn khác		
Là Khoản ký quỹ có lãi suất tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá của Mseafood Corporation.		
23. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau ^(a)	167.103.896.097	36.173.176.294
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(b)	98.297.515.514	183.977.212.828
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(c)	591.201.492.885	1.174.110.940.059
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ^(d)	188.314.154.533	96.453.668.135
Cộng	1.044.917.059.029	1.490.714.997.316
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:		
Số đầu năm	1.490.714.997.316	
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.428.669.230.576	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.874.467.168.863)	
Số cuối kỳ	1.044.917.059.029	
24. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	171.888.492.934	80.682.692.153
Các nhà cung cấp nước ngoài	9.034.583.000	23.705.299.191

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	180.923.075.934	104.387.991.344

25. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	1.381.684.728	45.922.162
Các khách hàng nước ngoài	2.346.518.552	7.555.847.349
Cộng	3.728.203.280	7.601.769.511

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.989.196.273		(1.989.196.273)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.452.734.063	18.275.994.407	(26.977.832.045)	8.750.896.425
Thuế thu nhập cá nhân	1.913.915.312	2.906.301.495	(4.131.603.769)	688.613.038
Cộng	21.355.845.648	21.182.295.902	(33.098.632.087)	9.439.509.463

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Muối tinh chế, nuôi trồng thủy sản , sản xuất tôm giống	Không chịu thuế
- Tôm nguyên liệu, tôm sơ chế, thức ăn nuôi tôm	5%
- Thành phẩm tôm đã hấp chín	10%

Nuôi trồng thủy sản và sản xuất tôm giống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty TNHH thủy sản Minh Phú - Kiên Giang và Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú Lộc An không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả người lao động.

28. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.135.920.000
Trích trước thuế chống phá giá	35.851.650.536	70.224.312.059
Cộng	35.851.650.536	71.360.232.059

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	825.655.065	576.441.479
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Chi phí lãi vay	33.213.577.165	900.000.000
Hoa hồng môi giới xuất khẩu	408.850.347	392.099.083

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả khác	2.948.468.089	617.583.025
Cộng	41.396.550.666	6.486.123.587
30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	11.931.450.768	
Tặng khác	83.121.665.227	
Chi quỹ	(27.337.543.450)	
Số cuối kỳ	67.715.572.545	
31. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau ^(a)	605.738.487	22.674.413.091
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ^(b)	-	4.849.800.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(c)	378.454.665.759	319.712.752.463
Trái phiếu ^(d)	900.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	1.279.060.404.246	747.236.965.554

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị.

(b) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư xây dựng nhà máy. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi của các đợt phát hành như sau:
 - 200 tỷ trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 05 năm phát hành ngày 31 tháng 12 năm 2007, lãi suất 9,98%, tiền lãi trả ngày 31 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 12 năm 2012.

- 200 tỷ trái phiếu ghi sổ, không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 22 tháng 12 năm 2010, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi trả ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 22 tháng 12 năm 2013.

- 500 tỷ trái phiếu ghi sổ, không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2011, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi trả ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 03 năm 2014.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn	347.236.965.554	58.773.329.838	(15.467.089.810)	390.543.205.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Trái phiếu	400.000.000.000	500.000.000.000		900.000.000.000
Cộng	<u>747.236.965.554</u>	<u>558.773.329.838</u>	<u>(15.467.089.810)</u>	<u>1.290.543.205.582</u>

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	3.825.350.961
Số trích lập bổ sung	596.297.610
Số đã chi	(699.646.000)
Số cuối năm	<u>3.722.002.571</u>

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700.000.000.000			700.000.000.000
Thặng dư cổ phần	177.876.869.236			177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	54.301.347.051	10.664.514.388		64.965.861.439
Lợi nhuận chưa phân phối	386.088.364.453	86.779.715.380	(119.627.053.835)	353.241.025.998
Quỹ đầu tư và phát triển	19.700.529.953	37.979.312.473	(9.552.089.744)	48.127.752.682
Tổng cộng	1.337.967.110.693	135.423.542.241	(129.179.143.579)	1.344.211.509.355

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	67.310.550.351
Tăng trong kỳ	12.032.890.085
Giảm trong kỳ	(5.864.694.833)
Số cuối kỳ	<u>73.478.745.603</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Tổng doanh thu	1.628.013.208.343	2.899.011.993.560
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.498.543.306	18.764.930.836
- Hàng bán bị trả lại	2.498.543.306	18.764.930.836
Doanh thu thuần	<u>1.625.514.665.037</u>	<u>2.880.247.062.724</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.547.959.879	43.422.610.887
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.328.329.104	16.086.568.431
Cộng	18.876.288.983	59.509.179.318
4. Chi phí tài chính		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí lãi vay	65.548.193.108	120.841.734.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.170.042.326	7.187.928.723
Dự Phòng giảm giá chứng khoán	9.663.300.000	37.319.358.373
Chi phí khác	10.187.559.665	10.587.559.690
Cộng	92.569.095.099	175.936.581.574
5. Chi phí bán hàng		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	2.226.125.532	4.231.713.632
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	414.371.466	668.173.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.282.722	92.565.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.134.823.112	117.737.293.016
Chi phí khác	9.342.190.125	16.634.469.977
Cộng	84.163.792.957	139.364.215.798
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	4.475.632.771	9.357.463.499
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.879.103	692.034.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	673.287.049	2.077.312.272
Chi phí thuế, phí và lệ phí	135.448.751	775.277.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	912.276.217	1.209.724.889
Chi phí khác	25.745.864.891	32.374.994.967
Cộng	32.394.388.782	46.486.808.577
7. Thu nhập khác		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Thu tiền cho thuê	74.904.181	141.045.672
Thuế được hoàn	97.165.326	105.889.057
Thu nhập khác	920.827.486	1.619.267.504
Cộng	1.092.896.993	1.866.202.233
8. Chi phí khác		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Nộp phạt chậm nộp tờ khai thuế	1.650.000	8.438.766
Chi phí khác	92.743.310	184.664.630
Cộng	94.393.310	193.103.396
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.863.831.844	86.799.715.380

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.863.831.844	86.799.715.380
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	541	1.240

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

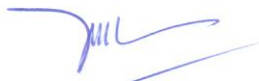
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.367.607.221.131	2.390.750.854.714
Chi phí nhân công	107.707.549.768	169.104.664.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.099.156.677	23.324.548.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.028.203.249	139.985.479.857
Chi phí khác	38.352.543.633	54.647.430.745
Cộng	1.611.794.674.458	2.777.812.977.754

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, các Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Cà Mau, ngày 20 tháng 08 năm 2011


Phí Hồng Linh
Người lập biểu


Lưu Minh Trung
Kế Toán trưởng




Lê Văn Điệp
P. Tổng Giám đốc